**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 7**

Thời gian làm bài 60 phút

Họ và tên:…………………………….

Lớp: 7…

|  |  |
| --- | --- |
| **Điểm** | **Lời phê của giáo viên** |
|  |  |

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)**

**Hãy chọn đáp án đúng nhất điền vào bảng trả lời trắc nghiệm trong phần bài làm**

**Câu 1**: Để đo chính xác độ dày của một quyển sách KHTN 7, người ta dùng

**A.** cân đồng hồ. **B.** thước đo độ chia nhỏ nhất là 1mm.

**C.** nhiệt kế thuỷ ngân. **D.** ước lượng bằng mắt thường.

**Câu 2**: Phương pháp tìm hiểu tự nhiên được thực hiện qua các bước:

(1) Đưa ra dự đoán khoa học đẻ giải quyết vấn đề; (2) Rút ra kết luận;

(3) Lập kế hoạch kiểm tra dự đoán; (4) Đề xuất vấn đề cần tìm hiểu;

(5) Thực hiện kế hoạch kế hoạch kiểm tra dự đoán.

 Em hãy sắp xếp các bước trên cho đúng thứ tự của phương pháp tìm hiểu tự nhiên.

A. (1); (2); (3); (4); (5). B. (5); (4); (3); (2); (1).

C. (4); (1); (3); (5); (2). B. (3); (4); (1); (5); (2).

**Câu 3**: Trong các loại hạt cấu tạo nên nguyên tử, hạt mang điện tích âm là

 **A.** electron. **B.** electron và neutron.

 **C.** proton. **D.** proton và neutron.

**Câu 4**: Trừ hạt nhân của nguyên tử hydrogen, hạt nhân các nguyên tử còn lại được tạo thành từ hạt

 **A.** electron và proton. **B.** electron, proton và neutron.

**C.** neutron và electron. **D.** proton và neutron.

**Câu 5:** Nguyên tố magnesium có kí hiệu hóa học là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** mg. | **B.** Mg. | **C.** mg. | **D.** mG. |

**Câu 6:** Đến nay con người đã tìm ra bao nhiêu nguyên tố hóa học

 **A.** 90. **B.** 100. **C.** 118. **D.** 1180.

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 7:** Hình bên mô tả cấu tạo nguyên tử oxygen.Số hiệu nguyên tử (số proton) của nguyên tố oxygen là: **A.** 6. **B.** 7. **C.** 8. **D.** 9.  |  |
|  | **Câu 8**: Cho biết sơ đồ cấu tạo nguyên tử của nguyên tố như hình bên.Nguyên tố trên là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. **A.** Be.
 | **B.** C. | **C.** O. | **D.** Na. |

 |  |

**Câu 9**: Bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học có

A. 7 nhóm A. B. 8 nhóm A. C. 9 nhóm A. D. 10 nhóm A.

**Câu 10**: Các kim loại kiềm trong nhóm IA đều có số electron lớp ngoài cùng là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. A. 1e.
 | 1. B. 2e.
 | 1. C. 3e.
 | 1. D. 7e.
 |

**Câu 11**: Chất nào dưới đây là đơn chất?

 **A.** CO.  **B.** NaCl. **C.** H2S.  **D.** O2.

**Câu 12**: Dãy chỉ gồm toàn hợp chất là

 **A.** FeO, NO, C, S.  **B.** Mg, K, S, C. **C.** Fe, NO2, H2O, CuO.  **D.** CuO, KCl, HCl, CO2

**Câu 13:** Phân tử nào dưới đây được hành thành từ liên kết ion?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. **A.** NaCl.
 | 1. **B**.H2.
 | 1. **C.** O2
 | **D.**H2O. |

**Câu 14**: Trong phân tử O2, hai nguyên tử O đã liên kết với nhau bằng

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **A.** 1 cặp electron dùng chung.
 | 1. **B.** 2 cặp electron dùng chung.
 |
| 1. **C.** 3 cặp electron dùng chung.
 | 1. **D.** 4 cặp electron dùng chung.
 |

**Câu 15**: Con số biểu thị khả năng liên kết của nguyên tử nguyên tố này với nguyên tử nguyên tố khác là

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **A.** Số hiệu nguyên tử.
 | **B.** Hoá trị. |
| 1. **C.** Khối lượng nguyên tử.
 | 1. **D.** Số liên kết của các nguyên tử.
 |

**Câu 16:** Cho potassium (K) có hoá trị I, Oxygen (O) hoá trị II. Công hoá hoá học potassium oxide là

 A. KO B. K2O C. K2O2 D. KO2

**II. PHẦN TỰ LUẬN (6,0 điểm)**

**Câu 17 (1,0 điểm):** Quan sát hình mô phỏng cấu tạo các nguyên tử dưới đây và trả lời các câu hỏi sau: 

a) Số hạt proton của nguyên tử trong các hình trên là bao nhiêu?

b) Vì sao mỗi nguyên tử trung hoà về điện?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Câu 18** (**0,5 điểm**): Tổng số hạt của nguyên tố là 49. Biết số hạt mang điện tích âm là 16. Tính số hạt còn lại.

|  |  |
| --- | --- |
| ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**Câu 19 (1,0 điểm):** Cho sơ đồ cấu tạo của nguyên tử chlorine (Cl) như hình bên:Hãy biểu diễn sự hình thành liên kết hoá trị trong phân tử Cl2. ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… | *Sơ đồ cấu tạo nguyên tử Cl* |

**Câu 20 (2,5 điểm):**

* 1. Nêu nguyên tắc sắp xếp các nguyên tố hóa học trong bảng tuần hoàn.
	2. Trong bảng tuần hoàn, nguyên tố khí hiếm nằm ở nhóm nào?
	3. Nguyên tố A có số hiệu nguyên tử là 6. Cho biết vị trí của nguyên tố A trong bảng tuần hoàn nguyên tố hóa học. Nguyên tố A là kim loại, phi kim hay khí hiếm?
	4. . Trong mật ong có nhiều fructose. Phân tử fructose gồm 6 nguyên tử C, 12 nguyên tử H và 6 nguyên tử O. Hãy viết công thức hoá học của fructose và tính khối lượng phân tử fructose.

**Câu 21 (1,0 điểm**): Một oxide có công thức XOn, trong đó X chiếm 27,27% về khối lượng. Biết khối lượng phân tử của oxide bằng 44 amu. Xác định công thức hoá học của oxide trên.

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

https://www.facebook.com/groups/vnteach/

https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/